

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP CONSTREXIM SỐ 8
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

HÀ NỘI, THÁNG 08 NĂM 2015



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8 (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Vũ Đức Tiến	Chủ tịch
Ông Hoàng Biên Cương	Ủy viên
Ông Ngô Bá Mẫn	Ủy viên
Ông Vũ Duy Hậu	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Dung	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Duy Hậu	Giám đốc
Ông Hoàng Biên Cương	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP CONSTREXIM SỐ 8



Vũ Duy Hậu

Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2015

Số: 423 -15/BC-TC/TV-VAE

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2015

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi : Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2015 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 (gọi chung là "Báo cáo tài chính giữa niên độ") của Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20/07/2015, từ trang 05 đến trang 31.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoài vấn đề về chính sách ghi nhận giá vốn của Công ty được trình bày tại mục 13 phần IV của Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo kết quả công tác soát xét được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8 giữ năm (05) bản. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ một (01) bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Hùng Sơn
Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM



Đặng Thị Thu Huyền
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1410-2013-034-1

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		110.691.957.057	78.490.955.258
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	392.721.214	12.424.014.096
1 Tiền	111		392.721.214	12.424.014.096
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		101.117.115.039	54.448.524.404
1 Phải thu khách hàng	131	V.03	29.573.846.524	36.523.222.921
2 Trả trước cho người bán	132		-	-
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
5 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	71.543.268.515	17.925.301.483
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8 Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	8.912.130.087	11.601.658.302
1 Hàng tồn kho	141		8.912.130.087	11.601.658.302
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		269.990.717	16.758.456
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	7.596.972	16.758.456
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		262.393.745	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		13.686.116.395	13.316.862.048
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.109.285.448	1.205.525.081
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	2.109.285.448	1.205.525.081
- Nguyên giá	222		3.537.786.188	2.547.869.824
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.428.500.740)	(1.342.344.743)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	1.600.000.000	1.600.000.000
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		600.000.000	600.000.000
3 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		1.000.000.000	1.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.976.830.947	10.511.336.967
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	9.976.830.947	10.511.336.967
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		124.378.073.452	91.807.817.306

(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		99.338.152.350	66.069.009.134
I. Nợ ngắn hạn	310		96.184.108.856	62.702.594.382
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	378.987.345	1.540.580.874
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.09	5.717.468.750	1.463.253.000
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	113.025.508	2.835.618.437
5 Chi phí phải trả	315	V.12	35.619.700.802	-
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	52.817.248.229	55.469.034.776
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	1.100.550.000	1.100.550.000
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		437.128.222	293.557.295
II. Nợ dài hạn	330		3.154.043.494	3.366.414.752
6 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.14	2.053.883.494	2.236.385.951
7 Phải trả dài hạn khác	337	V.12	1.100.160.000	1.130.028.801
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		25.039.921.102	25.738.808.172
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	25.039.921.102	25.738.808.172
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		19.568.000.000	19.568.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		19.568.000.000	19.568.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		1.937.223.600	1.937.223.600
4 Vốn khác của chủ sở hữu	414		921.520.000	921.520.000
5 Cổ phiếu quỹ	415		(921.520.000)	(921.520.000)
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		2.844.592.144	2.740.078.192
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		690.105.358	1.493.506.380
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		313.747.406	187.081.988
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		376.357.952	1.306.424.392
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 =300+400)	440		124.378.073.452	91.807.817.306

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP CONSTREXIM SỐ 8

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Việt Hoa

Nguyễn Thị Thu Hoà

Vũ Duy Hậu



(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	39.970.738.608	35.839.777.234
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		39.970.738.608	35.839.777.234
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	37.961.752.083	34.561.069.870
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.008.986.525	1.278.707.364
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	123.138.969	100.146.859
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	-	13.421.579
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	13.421.579
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	1.401.325.220	1.176.232.507
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		730.800.274	189.200.137
11 Thu nhập khác	31	VI.5	-	92.629.630
12 Chi phí khác	32	VI.6	193.666.262	99.769.630
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(193.666.262)	(7.140.000)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		537.134.012	182.060.137
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	160.776.060	41.624.030
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		376.357.952	140.436.107
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	212	73

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP CONSTREXIM SỐ 8

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Việt Hoa

Nguyễn Thị Thu Hoài

Vũ Duy Hậu



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

<Theo phương pháp trực tiếp>

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
I	Lưu chuyển tiền từ kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, CCDV và doanh thu khác	01		53.819.122.972	54.382.934.757
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(1.701.073.605)	(49.717.425.152)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(899.076.266)	(764.977.195)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		-	(105.003.871)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(479.715.181)	(708.885.402)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.711.288.355	526.564.357
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(67.977.266.368)	(2.264.689.286)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10.526.720.093)	1.348.518.208
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(989.916.364)	-
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		33.878.695	100.146.859
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(956.037.669)	100.146.859
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		200.000.000	-
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(200.000.000)	(2.876.278.200)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(548.535.120)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(548.535.120)	(2.876.278.200)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(12.031.292.882)	(1.427.613.133)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12.424.014.096	6.135.450.346
	Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	392.721.214	4.707.837.213

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP CONSTREXIM SỐ 8

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Việt Hoa,

Nguyễn Thị Thu Hoài

Vũ Duy Hậu

(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8 (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2261/QĐ-BXD ngày 8/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 01001850677 đăng ký lần đầu ngày 21/12/2005 và Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 4 ngày 11/06/2015.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 4 ngày 11/06/2015, thì vốn điều lệ của Công ty là: **19.568.000.000** đồng (Bằng chữ: Mười chín tỷ năm trăm sáu mươi tám triệu đồng chẵn).

Hiện tại, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là CX8.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: thi công xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình kỹ thuật hạ tầng, đường dây và trạm biến thế điện, công trình cơ điện lạnh; Hoạt động thiết kế chuyên dụng, chi tiết: trang trí nội, ngoại thất công trình;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: đầu tư kinh doanh nhà, cho thuê bất động sản; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, cho thuê văn phòng và nhà ở; kinh doanh các dịch vụ các khu nhà chung cư cao tầng và văn phòng;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất, chi tiết: Dịch vụ môi giới, tư vấn bất động sản; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Tư vấn xây dựng, kiểm định các công trình xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: Kinh doanh cấu kiện bê tông, kinh doanh vật liệu xây dựng; Vận tải hành khách đường bộ khác, chi tiết: kinh doanh vận chuyển hành khách;
- Vận tải hàng hóa đường bộ, chi tiết: kinh doanh vận tải hàng hóa; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: kinh doanh thương mại vật tư, máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ, hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: xuất nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ, hàng hóa; Hoạt động tư vấn quản lý: quản lý, khai thác, vận hành các dịch vụ các khu nhà chung cư cao tầng và văn phòng;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai khoáng chưa được phân vào đâu, chi tiết: khai thác khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm)

Tru sở chính:

Địa chỉ: Tòa nhà Constrexim, đường Nguyễn Trãi, C7, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 35 543 197 Fax: (84-4) 35 543 197

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Công ty có 01 công ty liên kết: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8.2
Địa chỉ: Tầng 4 tòa nhà Constrexim 8. Km 8. Nguyễn Trãi, C7, Thanh Xuân Bắc

- Địa chỉ: Tầng 4 toà nhà Constrexim 8, Km 8, Nguyễn Trãi, C7, Thanh Xuân Bắc
- Tỷ lệ phần sở hữu của Công ty: 47,62%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 47,62%

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán CADS.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003.

Công ty không có các khoản tiền bằng gốc ngoại tệ tại thời điểm 30/06/2015.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc. Tại thời điểm 30/06/2015, do Công ty liên kết không lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 nên Công ty không có cơ sở để xem xét trích lập dự phòng (nếu có) đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Đầu tư khác của Công ty là khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 21/HĐHTKD ngày 31/03/2008 giữa Công ty và Công ty Cổ phần An Đạt, theo đó 2 bên sẽ hợp tác để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cửa nhựa PVC lõi thép gia cường theo công nghệ Châu Âu, trên mỗi sản phẩm đều được in tên của 2 doanh nghiệp. Hợp đồng được thực hiện trong vòng 5 năm, và được gia hạn đến ngày 31/03/2016 theo phục lục hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngày 01/04/2015. Sau mỗi một năm, kể từ ngày Công ty chuyển tiền cho Công ty Cổ phần An Đạt, Công ty Cổ phần An Đạt sẽ thanh toán cho Công ty số lãi tương ứng lãi suất 18%/năm.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là các khoản phải thu hồi từ khách hàng và các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết đến kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại ngày 30/06/2015, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản cố cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

- Nhà cửa vật kiến trúc

25

- Máy móc thiết bị

06 – 08

- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn

06 – 08

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước về thuê hoạt động tài sản cố định, lợi thế kinh doanh và giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng.

Lợi thế kinh doanh là giá trị thương hiệu Constrexim có thời gian phân bổ trong vòng 10 năm.

Chi phí thuê hoạt động tài sản cố định được ghi nhận căn cứ vào số tiền trả trước trong nhiều kỳ kế toán và hợp đồng thuê tài sản, được phân bổ trong vòng 25 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

7. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Công ty không có các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty là khoản vay ngắn hạn cá nhân với lãi suất cho vay là 0% được ghi nhận căn cứ theo hợp đồng, phiếu thu, phiếu chi.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của công ty là khoản trích trước chi phí của các công trình xây dựng, thực tế chưa tập hợp được các chứng từ phát sinh từ các đội thi công, được ước tính để ghi nhận vào chi phí trong kỳ dựa trên các hợp đồng giao khoán.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản nhận trước tiền thuê nhà, được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng và số tiền khách hàng đã trả trong nhiều kỳ kế toán. Việc phân bổ từng tháng căn cứ vào số tiền cho thuê từng tháng được quy định trong hợp đồng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Vốn khác của chủ sở hữu là vốn bổ sung từ các quỹ, từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Nguyên tắc phân phối lợi nhuận, cổ tức: Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận, chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01 NQ-2015/CX8-ĐHĐCĐ ngày 09/05/2015.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu hoạt động xây lắp, dịch vụ cho thuê nhà, thu tiền điện, tiền nước và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động xây lắp được công ty ghi nhận phù hợp với tỷ lệ giao khoán trong hợp đồng của từng công trình cho các đội thi công. Trong kỳ, phần lớn chi phí thực tế đã phát sinh của các công trình đã được tập hợp tại các đội thi công nhưng chưa được công ty hạch toán, ghi nhận và xác định giá vốn. Phần chi phí chưa được tập hợp để hạch toán nêu trên được Công ty thực hiện trích trước vào chi phí phải trả. Công ty sẽ thực hiện hạch toán các chi phí này vào thời điểm cuối năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành (22%).

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

15.1 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành. Công ty đang áp dụng mức thuế GTGT 10% đối với hoạt động xây lắp, dịch vụ cho thuê nhà, thu tiền điện và 5% đối với hoạt động thu tiền nước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>Tiền mặt</i>	<i>68.915.652</i>	<i>79.349.741</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>323.805.562</i>	<i>12.344.664.355</i>
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	2.147.126	2.411.725.387
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	29.287.817	29.224.433
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch	284.353.581	9.780.523.220
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Xuân	1.274.569	1.274.569
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long	6.742.469	121.916.746
Cộng	392.721.214	12.424.014.096

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP CONSTREXIM SỐ 8

Địa chỉ: Tòa nhà Constrexim, đường Nguyễn Trãi, C7, Thanh Xuân, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 543 197 Fax: (84-4) 35 543 197

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015
đến ngày 30/06/2015

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

	30/06/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh	600.000.000	600.000.000	-	600.000.000
Công ty CP Đầu tư và XL Constrexim số 8.2 (1)	600.000.000	600.000.000	-	600.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Công ty CP An Đạt (2)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000

(1) Tại thời điểm 30/06/2015, Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Constrexim 8.2 không lập Báo cáo tài chính nên Công ty không có cơ sở để xem xét trích lập dự phòng (nếu có). Do đó giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty liên kết nêu trên đang được Công ty trình bày bằng giá gốc của khoản đầu tư.

(2): Là khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 21/HĐHTKD ngày 31/03/2008 giữa Công ty và Công ty Cổ phần An Đạt, theo đó 2 bên sẽ hợp tác để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của nhựa PVC lõi thép gia cường theo công nghệ Châu Âu, trên mỗi sản phẩm đều được in tên của 2 doanh nghiệp. Hợp đồng được thực hiện trong vòng 5 năm, và được gia hạn đến ngày 31/03/2016 theo phụ lục Hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngày 01/04/2015. Sau mỗi một năm, kể từ ngày Công ty chuyển tiền cho Công ty Cổ phần An Đạt, Công ty Cổ phần An Đạt sẽ thanh toán cho Công ty số lãi tương ứng lãi suất 18%/năm.

Tại thời điểm 30/06/2015, giá trị hợp lý của khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu trên được Công ty xác định bằng giá gốc. Do hợp đồng hợp tác vẫn đang trong thời gian thực hiện và Công ty vẫn nhận được khoản lãi phát sinh từ hợp đồng này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

3. Phải thu khách hàng

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	29.573.846.524	36.523.222.921
Tổng Công ty CP Đầu tư Xây dựng và TM Việt Nam	5.999.426.702	5.999.426.702
Trại giam Thanh Xuân - Cục V 26	566.149.947	566.149.947
Trường Đại học SPKT Hưng Yên	681.010.079	1.381.010.079
Trường Đại học Tây Bắc	1.490.759.480	1.490.759.480
BQLDA Vườn hoa quảng trường thị xã Phúc Yên - Vĩnh Phúc	1.529.910.000	1.529.910.000
UBND Phường Yên Sở - Hoàng Mai - HN	1.147.141.890	2.609.385.334
UBND phường Vĩnh Hưng	152.909.000	834.186.021
Công ty CP Xây lắp điện 1	205.524.035	1.382.669.618
Công ty CP thương mại và Xây dựng công nghệ xanh	430.021.289	2.753.588.371
Phòng kinh tế Quận Hoàng Mai	1.460.273.000	-
Ban quản lý dự án quận Hoàng Mai	12.744.953.215	13.769.223.000
Ban Quản lý Dự án Trà Vinh	786.934.875	786.934.875
Trung tâm PT quỹ đất và Quản lý duy tu hạ tầng Quận Hoàng Mai	633.389.315	633.389.315
Các đối tượng khác	1.745.443.697	2.786.590.179
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	5.999.426.702	5.999.426.702
Tổng Công ty CP Đầu tư XD và TM Việt Nam	5.999.426.702	5.999.426.702

4. Các khoản phải thu khác

	30/06/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	71.543.268.515	-	17.925.301.483	-
<i>Phải thu khác</i>	<i>71.228.887.515</i>	-	<i>17.621.300.483</i>	-
Công trình thuộc Công ty quản lý	10.479.950.887	-	3.580.564.222	-
Công ty CP Xây lắp giao thông công chính	-	-	500.000.000	-
Công ty Cổ phần An Đạt	-	-	134.136.986	-
Ban quản lý nhà C7 Thanh Xuân	2.713.401.918	-	3.079.681.694	-
Xí nghiệp xây lắp số 2	574.941.658	-	-	-
Xí nghiệp xây lắp tổng hợp số 6	1.385.948.439	-	1.325.937.439	-
Xí nghiệp xây lắp số 8	309.368.644	-	-	-
Xí nghiệp XLTH số 9*	12.232.531.798	-	-	-
Đội QL cơ giới và hạ tầng - Constrexim 8	35.259.865.341	-	747.274.356	-

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Đội xây lắp tổng hợp số 3	3.286.283.858	-	3.281.283.858	-
Đội XLTH số 4 - CN8.2	4.972.421.928	-	4.972.421.928	-
Các đối tượng khác	14.173.044	-	-	-
Tạm ứng	24.381.000	-	14.001.000	-
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	290.000.000	-	290.000.000	-
Ngân hàng TMCP An Bình	290.000.000	-	290.000.000	-
Cộng	71.543.268.515	-	17.925.301.483	-

5. Hàng tồn kho

	30/06/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	8.912.130.087	-	11.601.658.302	-
Cộng	8.912.130.087	-	11.601.658.302	-

(*): Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty là chi phí dở dang của các công trình nạo vét bùn 2 hồ công viên; công trình sân vận động thị xã Phúc Yên; công trình cải tạo xây dựng trường mầm non Yên Sở...

6. Chi phí trả trước

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	7.596.972	16.758.456
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	7.596.972	16.758.456
Dài hạn	9.976.830.947	10.511.336.967
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	6.051.113.893	6.224.002.861
Lợi thế kinh doanh chờ phân bổ	880.560.000	929.480.000
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	3.045.157.054	3.357.854.106
Cộng	9.984.427.919	10.528.095.423

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Đơn vị tính: VND			
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2015	1.418.827.242	581.048.908	547.993.674	2.547.869.824
Mua trong kỳ	-	-	989.916.364	989.916.364
Số dư ngày 30/06/2015	1.418.827.242	581.048.908	1.537.910.038	3.537.786.188

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư ngày 01/01/2015	414.489.473	398.776.940	529.078.330	1.342.344.743
Khấu hao trong kỳ	28.376.545	35.677.273	22.102.179	86.155.997
Tăng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2015	442.866.018	434.454.213	551.180.509	1.428.500.740

Giá trị còn lại

Tại ngày 01/01/2015	1.004.337.769	182.271.968	18.915.344	1.205.525.081
Tại ngày 30/06/2015	975.961.224	146.594.695	986.729.529	2.109.285.448

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 750.169.422 VND.

8. Phải trả người bán

	30/06/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty CP Đầu tư & Xây lắp Constrexim số 8.2	378.987.345	378.987.345	1.540.580.874	1.540.580.874
Cộng	<u>378.987.345</u>	<u>378.987.345</u>	<u>1.540.580.874</u>	<u>1.540.580.874</u>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty CP Đầu tư & Xây lắp Constrexim số 8.2	378.987.345	378.987.345	1.540.580.874	1.540.580.874

9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ban Quản lý huyện Sóc Sơn	5.496.772.000	-
Ban QLDA Long Biên	207.166.000	207.166.000
Công ty CP bê tông VIDIFI	13.530.750	6.720.000
Phòng kinh tế Quận Hoàng Mai	-	1.249.367.000
Cộng	<u>5.717.468.750</u>	<u>1.463.253.000</u>

(Các thuyết mình này là một bộ phận hợp thành và cần được ước lượng một cách thận trọng)

VND

Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động.

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Đơn vị tính: VND 30/06/2015
a) Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	2.522.121.349	1.246.956.057	3.769.077.406	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	297.096.734	295.643.955	479.715.181	113.025.508
Các loại thuế khác	16.400.354	-	16.400.354	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	196.208.868	196.208.868	-
Cộng	2.835.618.437			113.025.508

12. Chi phí phải trả

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn	35.619.700.802	-
Trích trước chi phí công trình HTKT phục vụ SXNN	18.354.379.586	-
Trích trước chi phí công trình tường THCS Mai Động	17.243.989.745	-
Trích trước CP công trình đầu tư XD nhà ở thu nhập thấp	21.331.471	-
Cộng	35.619.700.802	-

13. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn	52.817.248.229	55.469.034.776
Kinh phí công đoàn	732.596.374	800.636.180
Phải trả về cổ phần hóa	1.292.424.834	1.065.205.002
Phải trả, phải nộp khác	50.792.227.021	53.603.193.594
Công trình thuộc Công ty quản lý	4.067.253.451	3.780.193.811
Ban quản lý nhà C7 Thanh Xuân	44.599.857	54.968.722
Xí nghiệp xây lắp số 1	919.874.518	1.542.808.509
Xí nghiệp xây lắp số 2	1.178.905.329	1.178.905.329
Xí nghiệp xây lắp số 8	1.691.517.127	2.116.477.567
Xí nghiệp xây lắp số 9	16.118.791.286	16.827.750.528
Đối quản lý cơ giới và hạ tầng	18.915.713.101	20.329.741.488
Đội xây lắp tổng hợp số 1	3.678.065.035	3.678.065.035
Đội xây lắp tổng hợp số 5	822.809.908	822.809.908
Đội xây lắp tổng hợp số 8	2.210.600.860	2.210.600.860
Các loại thuế TNCN, cổ tức phải trả	462.107.807	411.350.910

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Dư có TK 1388	681.988.742	649.520.927
b) Dài hạn	1.100.160.000	1.130.028.801
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.100.160.000	1.130.028.801
Công ty Liên doanh TNHH KFC Việt Nam	877.160.000	877.160.000
Công ty CP Bê tông VIDIFI	30.000.000	30.000.000
Trần Văn Bao	153.000.000	153.000.000
Công ty TNHH Trang trí BAC	20.000.000	20.000.000
Công ty TNHH FEV(VIET NAM) CORPORATION	-	29.868.801
Công ty CP Y tế Quang Minh	20.000.000	20.000.000
Cộng	53.917.408.229	56.599.063.577

14. Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Dài hạn	2.053.883.494	2.236.385.951
Doanh thu nhận trước	2.053.883.494	2.236.385.951
Cộng	2.053.883.494	2.236.385.951

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP CONSTREXIM SỐ 8

Địa chỉ: Tòa nhà Constrexim, đường Nguyễn Trãi, C7, Thanh Xuân, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 543 197

Fax: (84-4) 35 543 197

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015
đến ngày 30/06/2015

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

15. Vốn chủ sở hữu

15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng	Đơn vị tính: VND
Số dư ngày 01/01/2014	19.568.000.000	1.937.223.600	-	-	847.743.411	22.352.967.011	
Tăng vốn trong năm trước	-	-	921.520.000	(921.520.000)	-	-	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	1.306.424.392	1.306.424.392	
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(137.241.028)	(137.241.028)	
Giảm khác	-	-	-	-	(523.420.395)	(523.420.395)	
Số dư ngày 31/12/2014	19.568.000.000	1.937.223.600	921.520.000	(921.520.000)	1.493.506.380	22.998.729.980	
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	376.357.952	376.357.952	
Tăng khác (*)	-	-	-	-	87.148.800	87.148.800	
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(261.284.879)	(261.284.879)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(905.505.000)	(905.505.000)	
Giảm khác (**)	-	-	-	-	(100.117.895)	(100.117.895)	
Số dư ngày 30/06/2015	19.568.000.000	1.937.223.600	921.520.000	(921.520.000)	690.105.358	22.195.328.958	

(*) Tăng lợi nhuận chưa phân phối từ việc giám cổ tức phải trả, do năm 2011 đã hạch toán phải trả cổ tức cho cả 181.300 cổ phiếu quỹ.

(**) Giảm khác theo quyết định thanh tra thuế năm 2014.

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	19.568.000.000	19.568.000.000
Cộng	<u>19.568.000.000</u>	<u>19.568.000.000</u>

15.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19.568.000.000	19.568.000.000
Vốn góp đầu năm	19.568.000.000	19.568.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	19.568.000.000	19.568.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	548.535.120	-

15.4 Cổ phiếu

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	1.956.800	1.956.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.956.800	1.956.800
- Cổ phiếu phổ thông	1.956.800	1.956.800
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	181.300	181.300
- Cổ phiếu phổ thông	181.300	181.300
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.775.500	1.775.500
- Cổ phiếu phổ thông	1.775.500	1.775.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

15.5 Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chưa
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:

15.6 Các quỹ của doanh nghiệp

	Đơn vị tính: VND			
Khoản mục	01/01/2015	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2015
Quỹ đầu tư phát triển	2.740.078.192	104.513.952	-	2.844.592.144
Tổng cộng	<u>2.740.078.192</u>	<u>104.513.952</u>	<u>-</u>	<u>2.844.592.144</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu hoạt động xây lắp	38.099.743.396	34.147.214.127
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.870.995.212	1.692.563.107
Cộng	39.970.738.608	35.839.777.234

b) Doanh thu với các bên liên quan

Tổng Công ty CP Đầu tư XD & TM Việt Nam	-	196.454.545
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8.2	-	19.956.000
Công ty CP An Đạt	-	13.636.364
Cộng	-	230.046.909

2. Giá vốn bán hàng

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	36.866.489.286	33.675.802.262
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.095.262.797	885.267.608
Cộng	37.961.752.083	34.561.069.870

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lãi tiền gửi	14.652.393	11.379.735
Cổ tức, lợi nhuận được chia	108.486.576	88.767.124
Cộng	123.138.969	100.146.859

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí lãi vay	-	13.421.579
Cộng	-	13.421.579

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

5. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Thu thanh lý tài sản cố định	-	92.629.630
Cộng	-	92.629.630

6. Chi phí khác

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	-	92.629.630
Tiền phạt truy thu thuế	144.746.262	-
Chi phí khác	48.920.000	7.140.000
Cộng	193.666.262	99.769.630

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>		
Chi phí nhân viên quản lý	1.032.669.939	892.236.836
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	51.286.252	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	31.200.582	-
Thuế, phí, lệ phí	7.900.897	39.483.598
Chi phí dịch vụ mua ngoài	255.789.550	211.857.073
Chi phí bằng tiền khác	22.478.000	32.655.000
Cộng	1.401.325.220	1.176.232.507

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí nhân công	1.145.359.392	1.360.694.202
Chi phí khấu hao tài sản cố định	86.155.997	103.802.916
Chi phí trích trước	35.619.700.802	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.238.362.894	14.856.503.003
Chi phí khác bằng tiền	81.665.149	885.267.608
Cộng	38.171.244.234	17.206.267.729

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	40.093.877.577	36.032.553.723
Tổng chi phí phát sinh trong năm	39.556.743.565	35.850.493.586
Chi phí không được trừ	193.666.262	7.140.000
<i>Chi phí nộp phạt</i>	<i>144.746.262</i>	<i>7.140.000</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>48.920.000</i>	<i>-</i>
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	39.363.077.303	35.843.353.586
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	730.800.274	189.200.137
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	160.776.060	41.624.030

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	376.357.952	140.436.107
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	376.357.952	140.436.107
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.775.500	1.928.754
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	212	73

IX. Những thông tin khác**1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

2. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	392.721.214	12.424.014.096
Phải thu khách hàng và phải thu khác	100.802.734.039	54.144.523.404
Các khoản đầu tư tài chính	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng cộng	102.195.455.253	67.568.537.500
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.100.550.000	1.100.550.000
Phải trả người bán và phải trả khác	54.296.395.574	58.139.644.451
Chi phí phải trả	35.619.700.802	-
Tổng cộng	91.016.646.376	59.240.194.451

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30/06/2015 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc các đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà có cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/06/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	53.196.235.574	1.100.160.000	54.296.395.574
Chi phí phải trả	35.619.700.802	-	35.619.700.802
Các khoản vay	1.100.550.000	-	1.100.550.000
01/01/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	57.009.615.650	1.130.028.801	58.139.644.451
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản vay	1.100.550.000	-	1.100.550.000

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Phải trả người bán	378.987.345	1.540.580.874
Công ty CP Đầu tư & Xây lắp Constrexim số 8.2	378.987.345	1.540.580.874

Thu nhập Ban Giám đốc

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Thu nhập Ban Giám đốc	179.861.128	202.570.702
Cộng	179.861.128	202.570.702

4. Thông tin so sánh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Số liệu lấy từ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014 và Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại VND
Các khoản phải thu khác	17.621.300.483	(17.621.300.483)	-
Phải thu ngắn hạn khác	-	17.925.301.483	17.925.301.483
Tài sản ngắn hạn khác	304.001.000	(304.001.000)	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	56.599.063.577	(56.599.063.577)	-
Phải trả ngắn hạn khác	-	55.469.034.776	55.469.034.776
Phải trả dài hạn khác	-	1.130.028.801	1.130.028.801
Quỹ đầu tư phát triển	2.204.109.763	535.968.429	2.740.078.192
Quỹ dự phòng tài chính	535.968.429	(535.968.429)	-

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP CONSTREXIM SỐ 8

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Việt Hoa

Nguyễn Thị Thu Hoài

Vũ Duy Hậu

